

TÌM HIỂU ĐẶC ĐIỂM THEN CẤP SẮC CỦA NGƯỜI TÀY QUA VĂN BẢN NÔM TÀY

NGUYỄN VĂN TUÂN^(*)

Tóm tắt: Văn bản Then cấp sắc viết bằng chữ Nôm Tày là văn bản ghi chép những bài hát nghi lễ mang đậm yếu tố tôn giáo tín ngưỡng. Tuy nhiên, khi bóc tách khỏi vỏ tín ngưỡng, người đọc lại thấy được toàn cảnh văn hóa, xã hội, tư tưởng, tình cảm,... của người Tày sống trong thời kỳ phong kiến. Bài viết này bước đầu thống kê, tìm hiểu, văn bản Then cấp sắc viết bằng chữ Nôm Tày hiện đang được lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm, qua đó tìm ra những đặc điểm điển hình về thể loại văn bản này.

Từ khóa: Then cấp sắc; chữ Nôm Tày.

Abstract: Documents used for priest promotion written in Nom Tay script are documents recording ritual songs. These documents are packed with not only distinct religious features but also the cultural, social, ideological context of the life of ethnic Tay people during feudal time. This article reviewed documents used for priest promotion written in Nom Tay language stored in Han Nom Institute to point out the characteristics of this document type.

Keywords: Then religion; Nom Tay script.

Ngày nhận bài: 10/6/2018; **Ngày sửa bài:** 15/7/2018; **Ngày duyệt đăng bài:** 15/8/2018.

Việt Nam là một quốc gia với 54 dân tộc anh em, mỗi dân tộc đều có một bản sắc văn hoá riêng. Trải qua quá trình phát triển, 54 bản sắc dân tộc ngày càng hoà quyện, đan xen, tạo nên bản sắc chung văn hoá Việt Nam phong phú đa dạng. Nằm chung trong khối 54 dân tộc, dân tộc Tày là một trong những dân tộc không chỉ sớm biết sáng tạo ra chữ viết riêng (chữ Nôm Tày) mà còn sáng tạo ra nhiều loại hình văn hóa đặc sắc, trong đó có thể loại Then cấp sắc. Đây là một trong những thể loại hát dân ca nghi lễ có quy mô lớn và điển hình trong hệ thống văn hóa thành văn của người Tày. Xét về mặt nội dung và hình thức sinh hoạt, Then cấp sắc khác với các thể loại dân ca nghi lễ khác, bởi nội dung mang tính tín ngưỡng cao và không phổ cập rộng rãi (nghĩa là chỉ có người làm Then mới sử dụng), nhưng lại rất cuốn hút người nghe. Bởi

vậy, nếu ta tách khỏi cái vỏ của hiện tượng tín ngưỡng, sẽ thấy nảy sinh nhiều hình thức liên kết và quan hệ xã hội trong sinh hoạt văn hóa cộng đồng của cư dân Tày miền núi thời xưa, như: văn hóa, xã hội, ngôn ngữ, văn tự,...

Về mảng thư tịch này, hiện nay tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm đang lưu trữ 6 văn bản, trong đó còn nhiều văn bản do những năm gần đây mới được sưu tầm. Xét thấy, đây là một đề tài rất có ý nghĩa trong việc tìm hiểu bản sắc văn hóa dân tộc Tày, bài viết sẽ tập trung tìm hiểu đặc điểm Then cấp sắc của người Tày qua văn bản Nôm Tày, với mong muốn cung cấp những thông tin hữu ích tới các nhà nghiên cứu quan tâm tham khảo.

^(*) Viện Nghiên cứu Hán Nôm,
Email: tuanhannom@gmail.com

1. Giới thiệu văn bản Then cấp sắc viết bằng chữ Nôm Tày

Văn bản Then cấp sắc Nôm Tày hiện đang được lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm đa phần đều còn đang ở tình trạng nguyên vẹn, không rách nát hoặc khuyết trang (ngoại trừ hai văn bản bị rách mất một số trang đầu). Để thấy rõ hơn về việc này, sau đây chúng tôi xin mô tả vắn tắt từng văn bản như sau:

1) 天文卷歌 *Then văn quyển ca* (ký hiệu NVB.1): Toàn văn viết bằng chữ Nôm Tày, gồm 103 tờ, kích cỡ 15 x 28 cm, do Hoàng Liên Vinh 黃連榮 sao chép vào năm Khải Định 8 (1923). Nội dung gồm 24 chương Then, là: *Tế đóng quân ca* (Ca tế tập hợp binh mã); *Thừa lệnh vận châm đồng thực khách* (Thừa lệnh cùng với mọi người vận chuyển lễ vật); *Mừng bàn* (Mừng bàn); *Lệnh mạ* (Lãnh ngựa); *Lệnh đàn* (Lãnh đàn); *Bày binh* (Bày binh); *Lệ chay* (Lễ chay); *Đệ lấu* (Dâng lễ); *Rao binh dục mạ* (Rao binh dục ngựa); *Chép cộ ca* (Chép cỗ ca); *Đệ tiến* (Tiến hành đường đi dâng lễ); *Dà Din* (Vùng yêu tinh ma quái); *Thấu quang thấu nạn* (Săn hươu săn nai); *Dự vại* (Mua trâu); *Pất ngoảng* (Bắt ve sầu); *Tế Khắc* (Tế Khắc); *Khau Khắc* (Vùng Khau Khắc); *Khau Hai* (Vùng Khau Hai); *Tạo Sluông* (Gọi đò); *Tàng lừa* (Đường thuyền); *Áp lấu* (Tắm rượu); *Khẩu tu vua* (Vào cửa vua); *Lệ tất* (Lễ xong); *Mừng bàn ca đuổi cảnh pây lín* (Ca mừng bàn với cảnh du chơi).

2) 壹卷塘泗須需叱 *Nhất quyển tàng lấu mùa tu vua cha* (ký hiệu VNv.671): Gồm 113 tờ, khổ 15 x 27cm, sao chép vào ngày mùng 8 tháng 10 năm Đinh Mão (?). Nội dung gồm các chương Then,

là: *Tu bán* (cửa trời), *Khẩu tu hành khiển* (vào cửa Hành Khiển), *Khẩu tu slảy giáo* (vào cửa thầy giáo), *Khẩu tu pụt ké* (vào cửa phật già), *Khẩu tu mẹ mụ* (vào cửa bà mụ), *Khẩu tu các tướng* (vào cửa các tướng), *Roọng Sluông tàng lừa* (gọi Sluông chở đường thuyền), *Khái bách va* (vùng trăm loài hoa), *Dòng Sluông nằm kim* (dòng Sluông nước vàng), *Khẩu tu Dả Hả* (vào cửa Dả Hả), *Khẩu tu vua Ngọc Hoàng* (vào cửa vua Ngọc Hoàng), *Mạ quân lỏng* (đoàn quân lui xuống), *Tắng phaja Su Mi* (dựng núi Su Mi), *Cử tam liên chung* (đóng ba hồi chuông), *Then Pú Cáy* (Then Pú Cáy), *Ông Then vật mụ Đà Din* (ông Then vật mụ yêu tinh Đà Din), *Khẩu tu vua cha Ngọc Hoàng* (vào cửa vua cha Ngọc Hoàng), *Dòng Sluông chương* (Sluông xuôi dòng), *Mùa đồng bầm thương thuế vua* (mùa đồng nộp thuế vào kho của nhà vua), *Bân cộ hương chương* (chương cổ hương trời), *Bân cộ cốc bân* (mâm cỗ trời), *Đón thuyền slíp slon bươn* (đón thuyền 12 thúng), *Lín én chương* (chương chơi én), *Bát quái* (bát quái), *Mời Sluông tặt chèo chương* (chương mời Sluông đặt chèo).

3) 俾官傳呖 *Khỏa quan tuyên Then* (ký hiệu NC.50): Gồm 75 tờ A4 (photocopy), sao chép vào ngày mùng 1 tháng 8 năm Bảo Đại 8 (1933). Nội dung gồm các chương Then, là: *Viết phiếu sui Sluông* (viết phiếu gọi Sluông), *Sui Sluông nằm khái* (gọi Sluông vượt vùng sông nước), *Viết bản tấu vua* (viết bản tấu vua), *Vào cửa vua* (vào cửa vua), *Vào cửa vua nạp thuế* (vào cửa vua nộp thuế), *Cấp sắc văn* (văn cấp sắc), *Tổ cảnh Su Mi* (rõ cảnh núi Su Mi), *Tổ nộc* (đánh bắt chim), *Lập phủ Nam Huân* (lập phủ Nam Huân), *Xo mụ Đà Din* (xin mượn gậy của

mụ Đà Dìn), *Pất ngoảng* (bắt ve sâu), *Lập cảnh bjoóc* (lập cảnh hoa), *Quang bàn* (quang bàn thờ), *Quét lấu* (tẩy uế), *Cổm phù* (trấn cấm ma quỷ), *Cổm phù lồng Long Vương* (trấn cấm ma quỷ xuống Long Vương), *Dảo lấu* (kho rượu).

4) Vô đề⁽¹⁾ (ký hiệu ST.2227): Gồm 69 tờ, khổ 13 x 26 cm, rách mất một số tờ đầu nên không có tên sách cũng như tên tác giả và năm sao chép. Nội dung gồm các chương Then, là: *Khái dự vại* (chương mua trâu), *Khái pất ngoảng* (chương bắt ve sâu), *Khái Khau Khắc* (vùng Khau Khắc), *Khái Khau Hai* (vùng Khau Hai), *Khái nậm tạo Suông* (chương gọi Suông vượt vùng sông nước), *Khái tàng lửa* (Chương đường thuyền), *Khái áp lấu* (chương tắm rượu), *Khái khẩu tu vua* (chương vào cửa vua), *Khái hạ hồi* (chương hạ hồi), *Vui thứ ca* (chương vui thứ ca hát).

5) Vô đề (ký hiệu ST.2201): Gồm 45 tờ, khổ 13 x 21 cm, rách mất một số tờ đầu, do Hoàng Bình Vinh 黄炳荣 sao chép. Nội dung chép 19 chương Then, gồm: *Khao khát mjàu cau thuốc chè* (khao khát mời trâu cau chè thuốc), *Khao khát phúng quỳnh tương lan tản* (khao khát quần quỳ quỳnh tương với Tản), *Mjàu cau thết đại* (trâu cau thết đại), *Chúc slu mjàu mác* (chúc nhận trâu quả), *Chúc lấu quỳnh tương thiết đại* (chúc rượu quỳnh tương thiết đại), *Quỷ binh ca* (lời ca của binh phu), *Mừng bàn* (mừng bàn), *Đà Dìn ca* (chương ca về mụ Đà Dìn), *Thấu nạn* (săn bắt nai), *Dự vại* (mua trâu), *Pất ngoảng* (bắt ve sâu), *Tế Khắc* (tế Khắc), *Khau Khắc* (vùng Khau Khắc), *Khau hai* (vùng Khau Hai), *Tạo Suông* (gọi Suông), *Tàng lửa* (đường thuyền), *Áp lấu* (tắm rượu), *Khẩu tu vua* (vào cửa vua).

6) 操兵歌 *Quỷ binh ca* (ký hiệu ST.557): Gồm 71 tờ, khổ 12,5 x 26 cm; chữ viết chân phương, do Hoàng Thụy Lân 黄瑞麟 sao chép vào ngày 15 tháng 11 năm Canh Thân (?). Nội dung chép 14 chương Then, gồm: *Mừng bàn* (mừng bàn), *Đà Dìn ca* (ca về mụ Đà Dìn), *Thấu nạn* (săn bắt nai), *Dự vại* (mua trâu), *Pất ngoảng* (bắt ve sâu), *Tức pja* (đánh cá), *Tế Khắc* (tế thần Khắc), *Khau Khắc* (vùng Khau Khắc), *Khau Hai* (vùng Khau Hai), *Tạo Suông* (gọi Suông), *Tàng lửa* (đường thuyền), *Áp lấu* (tắm rượu), *Khẩu tu vua* (vào cửa vua), *Hạ hồi* (hạ hồi).

Trên đây là sáu văn bản dùng cho buổi lễ Then cấp sắc, sáu văn bản này đều được viết ở thể ca thất ngôn mà các Then dùng để đi lên thượng giới tới cửa Ngọc Hoàng (cửa Vua). Nội dung của từng chương trong văn bản, miêu tả từng chặng đường gian nan vượt khó của đoàn quân Then vận chuyển lễ vật theo trình tự lớp lang tịnh tiến lên mừng trời.

2. Đặc điểm văn bản Then cấp sắc viết bằng chữ Nôm Tày

2.1. Tên tác phẩm

Xét về tên tác phẩm, trong dân gian vẫn thường gọi bằng nhiều tên gọi, như: "lầu then", "lầu vút", "đệ lầu", "phong giáo phẩm", "tấn phong",... Tuy nhiên, qua khảo sát 6 văn bản Then cấp sắc hiện có ở Viện Nghiên cứu Hán Nôm, chúng tôi nhận thấy:

Tiêu đề của các văn bản Then cấp sắc viết bằng chữ Nôm Tày, chúng tôi thấy giữa các văn bản không có sự thống nhất, và đặc biệt là không có từ "cấp sắc". Cụ thể như sau:

⁽¹⁾ Do văn bản bị rách mất một số trang đầu, không còn tên sách, nên ở đây chúng tôi xin tạm ghi là như vậy.

1) Bản mang ký hiệu NVB.1 có tiêu đề: 天文卷歌 *Then văn quyển ca* (Quyển ca Then văn).

2) Bản mang ký hiệu VNv.671 có tiêu đề: 壹卷塘酒須霜叱 *Nhất quyển tàng lẫu mưa tu vua cha* (Một quyển đường dâng lễ vật về của vua cha).

3) Bản mang ký hiệu NC.50 có tiêu đề: 俾官俾天 *Khỏa quan tuyền Then* (Truyện Then Khỏa quan).

4) Bản mang ký hiệu ST.557 có tiêu đề: 操兵歌 *Quỷ binh ca* (Lời ca của binh phu khuôn vác lễ vật).

5) Bản mang ký hiệu ST.2227 và ST.2201. Do bị rách mất một số tờ đầu và cuối nên không còn tên tác phẩm.

Như vậy, qua 06 văn bản vừa nêu trên, có 04 văn bản còn tên tác phẩm, nhưng cả 04 văn bản đều có tiêu đề khác nhau. Xét về lý lịch của 04 văn bản, chúng tôi thấy bản NVB.1 có lý lịch ở xã Long Đống, châu Bắc Sơn (Lạng Sơn); bản VNv.671 chưa rõ lý lịch; bản NC.50 có lý lịch ở huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng. Xuất phát từ lý lịch của văn bản, chúng tôi tạm cho rằng, việc đặt tiêu đề cho tác phẩm là do yếu tố chủ quan của người sao chép. Nghĩa là, người sao chép ở các địa phương khác nhau, họ đặt tên theo ý riêng của họ sao cho dễ nhớ đối với họ và đặc biệt là phù hợp với hoàn cảnh địa phương mà họ đang sinh sống.

2.2. Tác giả và người sao chép

Để khảo sát mối tương quan của các thông tin về tác giả, chúng tôi dựa theo hai tiêu chí là tác giả của tác phẩm và người sao chép tác phẩm.

- Về tác giả: Then cấp sắc không có tác giả cụ thể (khuyết danh). Then cấp sắc là các công trình tập thể của nhiều người, nhiều thế hệ. Bởi lúc đầu tín

ngưỡng dân gian đã gắn với những hình thức cụ thể nào đó và những lời cầu cúng có nhịp điệu, về sau được các nghệ nhân làm Then hoàn chỉnh dần. Điều đặc biệt là sau mỗi một lần sao chép thì người chép lại tự ý thêm vào (hoặc bớt đi) theo hướng chủ quan của mình để cho thích hợp với hoàn cảnh xã hội lúc bấy giờ. Do đó, trong Then cấp sắc có nhiều bản khác nhau tùy thuộc vào từng vùng. Sự khác nhau này thấy ở các chương mục, số câu trong chương, độ dài các câu,...

Về người sao chép tác phẩm: Qua khảo sát 06 văn bản, chúng tôi thấy có 04 văn bản ghi tên người sao chép, còn lại 02 văn bản do bị rách mất một số trang đầu nên không xác định được người sao chép. Về 04 văn bản có ghi tên người sao chép này như sau:

1) Bản NVB.1 do Hoàng Liên Vinh 黄连荣 sao chép.

2) Bản VNv.671 do 文 Văn Đức 文德, đạo hiệu Tổ Tiết 祖節 sao chép.

3) Bản NC.50, do 图图图 sao chép⁽²⁾.

4) Bản ST.557 do Hoàng Thụy Lâm 黄瑞麟 sao chép.

Xét về thân thế và sự nghiệp của 04 người sao chép vừa nêu trên, chúng tôi nhận thấy trong các văn bản không nhắc gì đến sự nghiệp của họ. Tuy nhiên, có thể khẳng định rằng, họ chắc chắn phải là những nhà Nho, những người có học thức và là thầy Then của người Tày. Bởi, với đồng bào dân tộc, những người biết chữ Hán (đặc biệt là chữ Nôm) rất ít. Những người biết chữ Hán (Nôm) chỉ có ở những người làm nghề cúng như thầy

⁽²⁾ Văn bản này vì là bản sao chụp lại, nên phần ghi tên tác giả bị đen không thể đọc được, do đó chúng tôi xin tạm để ký hiệu như vậy.

Tào, Mo, Then, Pút. Đây cũng chính là những tầng lớp trí thức nông thôn duy trì, phát triển văn học thành văn của họ.

2.3. Niên đại và năm sao chép

Để xác định thông tin niên đại, chúng tôi dựa theo hai tiêu chí là niên đại biên soạn tác phẩm và năm sao chép tác phẩm.

Về niên đại: Do Then cấp sắc là khuyết danh và được hoàn chỉnh dần trong quá trình hành nghề, nên không có niên đại cụ thể.

- Về năm sao chép tác phẩm: Qua khảo sát 06 văn bản, có 04 văn bản có ghi năm sao chép tác phẩm; 2 văn bản còn lại do bị rách mất một số tờ đầu nên không xác định được năm sao chép. 04 văn bản có ghi năm sao chép được ghi như sau:

1) Bản ký hiệu NVB.1 ghi: 啓定捌年式月十五日良辰務春花 *Khải Định bát niên nhị nguyệt thập ngũ nhật lương thời mùa xuân hoa nở* (Giờ lành ngày 15 tháng 2 năm Khải Định 8 (1923) mùa xuân hoa nở).

2) Bản ký hiệu VNv.671 ghi: 歲次丁卯年十月初八日抄錄 *Tuế thứ Đinh Mão niên thập nguyệt sơ bát nhật sao lục* (Sao chép vào ngày mùng 8 tháng 10 năm Đinh Mão (?)).

3) Bản ký hiệu NC.50 ghi: 保大八年八月初一日抄錄 *Bảo Đại bát niên bát nguyệt sơ nhất nhật sao lục* (Sao chép vào ngày mùng 1 tháng 8 năm Bảo Đại 8 (1933)).

4) Bản ký hiệu ST.557 ghi: 庚申年拾壹月拾五日抄畢 *Canh Thân niên thập nhất nguyệt thập ngũ nhật sao tất* (Ngày 15 tháng 11 năm Canh Thân (?) sao xong).

2.4. Thể loại

Về mặt thể loại, Then cấp sắc dùng nhiều thể văn. Trong đó, thể thất ngôn lưu thủy (chiếm 78%), thể ngũ ngôn (chiếm 10%), thể chín chữ (chiếm 5%), thể văn xuôi (chiếm 2%). Với những thể văn đa dạng như vậy, lại được đan xen lẫn nhau, khiến cho buổi then tuy có dài nhưng không nhàm chán. Riêng đối với thể văn xuôi, phần này tuy xuất hiện không nhiều nhưng lại góp phần quan trọng trong việc dẫn dắt và chuyển tải nội dung chương trình hành lễ với hai loại chính là văn thoại và văn tụng niệm (văn khấn). Sự tham gia của thành phần văn xuôi đã làm cho Then cấp sắc phong phú và sinh động thêm nội dung của cuộc lễ.

Ngoài ra, Then cấp sắc khác với các dân ca giao duyên, dân ca giao duyên thường chỉ sử dụng ngôi thứ nhất để diễn đạt tâm tình, còn Then cấp sắc lại sử dụng rất nhiều ngôi thứ ba ở các đoạn mô tả, kể chuyện. Họ chỉ đặt mình vào ngôi thứ nhất khi trình bày các đoạn công văn, gọi vía... Có đoạn họ thoát vai coi như người đứng ngoài quan sát, tường thuật cuộc hành trình; có đoạn họ làm như tiên thần đã nhập vào người họ để phán quyết vấn đề. Lúc thì họ là Guồng, Trạng nhận lời gia chủ lên thiên đình giải quyết việc; lúc lại coi mình như ngoài cuộc, bình phẩm, góp ý về số phận; lúc thì tự đặt mình như gia chủ trần tục xin tổ tiên, thần thánh phù hộ giúp đỡ,... Nhìn chung, lối biên soạn của Then cấp sắc có văn phong trong sáng, ít dùng điển cố, điển tích, câu văn mộc mạc dễ hiểu và gần gũi với cuộc sống của người dân miền núi.

2.5. Ngôn ngữ văn tự

Ngôn ngữ văn tự được sử dụng trong Then cấp sắc, khác so với các thể loại dân ca khác, như: *Lượn cọi, hát đám cưới*,... Ở thể loại *Lượn cọi* sử dụng chữ Nôm thuần Tày (chữ Nôm Tày tự tạo) là chủ yếu; ở thể loại *hát đám cưới* sử dụng chữ mượn Hán là chủ yếu. Thế nhưng, với thể loại Then cấp sắc lại sử dụng chữ mượn Nôm Kinh là chủ yếu (chiếm tỷ lệ 55%), sử dụng chữ Nôm thuần Tày (chiếm tỷ lệ 25%), sử dụng chữ mượn Hán (chiếm tỷ lệ 20%). Cụ thể như sau:

Đối với những chữ mượn Nôm Kinh, sử dụng ở ba cách. *Thứ nhất*: Mượn chữ, mượn âm, mượn cả nghĩa tiếng Việt. Ví dụ: Chữ *nước* (𣵀): *Mưa dứ nước Hung Nô một mình* (Về ở nước Hung Nô một mình) [ST.557, tr.25a]. *Thứ hai*: Mượn chữ, mượn nghĩa, đọc trại (chệch) âm tiếng Việt. Ví dụ chữ *trông* (𣵀) đọc thành *tông*: *Kìa tông bên sliểu nự chắng khan* (Kìa trông bên thiếu nữ đáp lời) [ST.557, tr.20a]. *Thứ ba*: Mượn chữ, mượn nghĩa, không mượn âm. Ví dụ: Chữ *đời* (𣵀) đọc thành *tôi*: *Thổ Địa lễ Kỷ Tín tôi xưa* (Thổ Địa là Kỷ Tín đời xưa) [ST.557, tr.6a]...

Đối với chữ Nôm thuần Tày, sử dụng ở hai cách cơ bản. *Thứ nhất*: Dùng cả hai ký tự đến là một chữ để tạo thành một chữ mới (trong đó một chữ dùng để biểu âm, chữ còn lại biểu ý). Ví dụ: {*giang* 𣵀 𣵀 *trung* 𣵀} = *chang* (trong, giữa): *Giao vật vắt giữa chang ngăn rừng xanh* (Giao vật ở giữa rừng xanh sâu thẳm) [NVB.1, tr.44a]. *Thứ hai*: Lấy một ký tự "bộ thủ" làm thành tổ biểu ý, ký tự còn lại biểu âm. Ví dụ: {*thủ* 𣵀 𣵀 *ma* 𣵀} = *mừ* (tay): *Pác chúc mừ thư phù hộ thân* (miệng

niệm chú tay thư phù hộ thân) [ST.557, t.44a]...

Đối với chữ mượn Hán, chúng tôi thấy sử dụng ở năm cách. *Thứ nhất*: Mượn chữ, mượn âm, mượn cả nghĩa của chữ. Ví dụ: Chữ 康寧 *khang ninh*, 福壽 *phúc thọ*: *Cắt pên chữ khang ninh phúc thọ* (Cắt thành chữ khang ninh, phúc thọ) [ST.557, tr.8a]. *Thứ hai*: Mượn chữ, đọc chệch âm, mượn nguyên nghĩa của chữ. Ví dụ: Chữ 社𣵀 (xã): *Pĩ hân tổng hân xạ hâng mà* (Anh từ tổng, xã nào tới đây) [ST.557, t.17a]. *Thứ ba*: Mượn chữ, đọc chệch âm, không mượn nghĩa. Ví dụ: Chữ 須 *tua* (con - dùng để chỉ loài vật): *Hẩu mội tua lượng hả ná khai?* (Cho mỗi con lạng rười bán không?) [ST.557, tr.19b]. *Thứ tư*: Mượn chữ, mượn nghĩa, không mượn âm. Ví dụ: Chữ 少 *sliểu* (thiếu): *Pỏ mẻ thai niên sliểu bưởng lằng* (Cha mẹ chết, thiếu niên ở lại) [ST.557, tr.25b]. *Thứ năm*: Mượn chữ, mượn âm, không mượn nghĩa. Ví dụ: Chữ 根 *căn* (nhau): *Điêu thú đùa căn kêu réo rắt* (Chim thú đùa nhau kêu réo rắt) [ST.557, tr.51a].

Trên đây chúng tôi mới chỉ quy loại chữ Nôm được sử dụng trong văn bản Then cấp sắc trên bình diện tổng quan, nhằm giúp cho người đọc dễ dàng nhận diện văn bản Then cấp sắc; qua đó có thể thấy, Then cấp sắc có mối liên quan khá mật thiết với người Kinh, nên trong văn bản mới xuất hiện nhiều ngôn ngữ văn tự Kinh như đã nêu ở trên.

3. Nội dung văn bản

Nội dung của văn bản Then cấp sắc viết bằng chữ Nôm Tày, kể về cuộc hành trình hùng tráng của đoàn quân Then vận chuyển các lễ vật vượt muôn trùng

khó khăn để tiến dâng lên Ngọc Hoàng, xin được cấp sắc cho nhà then đương sự. Cuộc hành trình này, tuy đoàn quân Then phải trải qua không biết bao nhiêu gian nan vất vả, nhưng cũng lại được chứng kiến nhiều cảnh vật đẹp lạ thường mà nơi trần gian không có. Thông qua cuộc hành trình, Then cấp sắc phản ánh nhiều mặt về đời sống xã hội, văn hóa, tôn giáo tín ngưỡng của đồng bào dân tộc Tày ở thời kỳ phong kiến xưa.

Về mặt xã hội, Then cấp sắc phản ánh môi trường cuộc sống lao động sản xuất của đồng bào Tày. Đó là môi trường miền núi với đặc trưng là nền kinh tế tiểu nông tự cấp, tự túc: Đầu bản có giếng nước nguồn, trên cánh đồng có nơi thả vịt, có đàn lợn, đàn trâu thả rông... Nhiều chương đoạn còn miêu tả khá sinh động về một không gian miền núi đầy chất hoang dã của thuở trước: Núi rừng âm u rậm rạp nhiều thú hoang, rắn rết, ve kêu vượn hót, đường đi khúc khuỷu, lên thác xuống ghềnh,... Ngoài ra, Then cấp sắc còn phản ánh hiện thực cuộc sống của người dân trong xã hội có giai cấp. Điều này được thể hiện qua việc bắt phu phen, cống nạp lễ vật lên các vị thần linh. Đây chính là một cách hiện thực hóa từ các hình thức cống nạp của người dân đối với các tầng lớp thống trị vua quan.

Về mặt văn hóa, bên cạnh hiện thực hóa đời sống khổ cực của người dân trong xã hội có giai cấp, Then cấp sắc tỏ rõ thái độ phê phán thói hư tật xấu của những kẻ làm quan ham chơi, mê gái đẹp, tham ô ăn của đút lót, dối trên lừa dối... Qua đó, ca ngợi phẩm chất cao quý của người lao động: Trọng việc nghĩa, giữ chữ tín, thủy chung như nhất...

Về mặt tôn giáo tín ngưỡng, Then cấp sắc chịu sự tác động của Tam giáo (Nho - Phật - Đạo), trong đó nổi bật nhất là Đạo giáo. Các yếu tố Đạo giáo trong Then cấp sắc được thể hiện qua nhiều hình thức, trong đó phải kể đến về quan niệm thế giới vũ trụ. Thế giới vũ trụ trong Then cấp sắc được chia làm ba phần, là: Thiên đình (mường trời), Dương gian (mặt đất) và Âm phủ (Thủy phủ). Ở cả ba thế giới này đều có điểm chung là có sông núi, cỏ cây, đồng ruộng, trăm vật, trăm loài và đều hoạt động như nhau. Trong đó, thế giới Thiên đình là nơi tồn tại, hiện diện của Ngọc Hoàng Thượng Đế, thiên tiên, thiên thánh, thiên thần. Thiên đình được xem là nơi hạnh phúc nhất. Bởi đó là nơi không có tội lỗi, không có kẻ bạc ác, gian tham... Đó là nơi thật sự bình yên, thấu suốt mọi việc của nhân gian và có thể chi phối, điều chỉnh cuộc sống sinh hoạt của con người. Còn thế giới Âm phủ là nơi cai quản của Diêm Vương, địa thánh, địa thần. Trong tâm linh của con người, Âm phủ là nơi đối lập với Thiên đình cả về không gian cũng như bản chất. Nếu con người luôn tưởng tượng trời ở rất cao và rất xa thì âm phủ rất sâu và rất tối. Âm phủ là nơi tồn tại của những linh hồn thường mang tội lỗi, là nơi những người có tội đang bị trừng phạt. Trên thế giới âm phủ là thế giới Dương gian - nơi con người sinh sống. Cuộc sống của con người ở mặt đất thời phong kiến có cái tốt lành và cũng có những khổ ải, người bóc lột người, điều lành thì có ít, khổ ải có nhiều. Vậy nên, khi con người gặp khổ đau vận hạn thì thường nhờ Then giúp đỡ, bởi Then "được ra vào sai khiến Thiên Bổng lục sĩ quyền hành bốn biển"...

Yếu tố Phật giáo trong văn bản *Then* cấp sắc đã được bản địa hóa. Hình tượng Mẹ Thích Ca của đạo Phật được phân thân dưới các tên gọi khác nhau như: Mẹ Xích Ca, Mẹ Bjoóc, Mẹ Va... Mặt khác, đạo Phật với tinh thần cứu nhân độ thế vốn là tâm niệm của nghề *Then*, nên các thầy *Then* thường có câu niệm “Nam mô Đại Thánh đại từ đại bi cứu khổ cứu nạn Quán Thế Âm Bồ Tát”. Điều này cho thấy *Then* hành nghề bằng phép thuật gắn với đạo Phật.

So với yếu tố Phật giáo và Đạo giáo, yếu tố Nho giáo trong *Then* có phần mờ nhạt hơn. Có thể nhận thấy sự tham gia của Nho giáo vào trong *Then* qua nghi thức vào cung Ngọc Hoàng. Ở mục này, nhà *Then* phải phủ phục và tung hô “vạn tuế” trước Ngọc Hoàng. Như vậy, Nho giáo trong *Then* là sự tiếp thu nền Nho học từ miền xuôi và là sự lưu lại dấu vết của quá trình đi vào cung đình trong thời kỳ nhà Mạc cát cứ ở Cao Bằng, sau đó được dân gian hóa.

Nhìn chung, *Then* cấp sắc do xuất phát từ tín ngưỡng đa thần nhưng lại được phủ bằng một lớp vỏ thần linh Tam giáo nên người Tày cho rằng *Then* giữ vai trò trung gian giữa thực và hư, giữa thế giới thần linh với thế giới con người. Vì thế, nội dung lời hát *Then* là kể về những chặng đường mang đại lễ vật lên mừng trời gặp Ngọc Hoàng xin được cấp sắc để trở về nhân gian cứu dân độ thế.

Kết luận

Trên đây là những nhận xét cơ bản, cũng là kết quả nghiên cứu mà chúng tôi thu nhận được khi tiến hành khảo sát văn bản *Then* cấp sắc viết bằng chữ Nôm Tày. Qua đó cho thấy, văn bản *Then* cấp sắc là khuyết danh và đều ở dạng chép tay, số

lượng các câu trong các chương giữa các văn bản không thống nhất. Điều này cho thấy, việc sao chép văn bản dài hay ngắn là phụ thuộc vào người sao chép ở từng vùng khác nhau, họ có thể thêm và cũng có thể bớt sao cho phù hợp với địa bàn của họ hành nghề, nhưng cốt lõi nội dung chính thì không hề thay đổi. Về nội dung, bên cạnh việc phản ánh cuộc sống xã hội của người Tày trong quá khứ, *Then* cấp sắc còn phản ánh rõ nét về văn hóa tín ngưỡng của người Tày. Đó là sự giao lưu hội nhập giữa yếu tố tôn giáo tín ngưỡng bản địa với các tín ngưỡng du nhập thuộc về Tam giáo. Như vậy, với đặc trưng của riêng mình, *Then* cấp sắc đã góp phần làm nên sự phong phú đa dạng về văn hóa thành văn của người Tày nói riêng, của dân tộc Việt Nam nói chung.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Tuấn Cường, Nguyễn Văn Tuấn (2017), “Tìm hiểu thuật ngữ *Then* từ góc độ ngữ văn học qua văn bản *Nôm Tày*”, *Tạp chí Từ điển học & Bách khoa thư*, số 2 (46).
2. Nguyễn Thị Yên (2006), *Then Tày*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
3. Hà Văn Thư, Lê Văn Lô (1984), *Văn hóa Tày Nùng*, Nxb. Văn hóa.
4. 天 文 卷 歌 *Then văn quyển ca* (NVB.1).
5. 壹卷糖酒 天 須弄 天 *Nhất quyển tàng lấu mùa tu vua cha* (VNv.671).
6. 修官傳 天 *Khóa quan tuyên Then* (NC.50).
7. 揮兵歌 *Quỷ binh ca* (ST.557).
8. Vô đề (ST.2227).
9. Vô đề (ST.2201).